SAO Y; Ủy ban Dân tộc; Thời gian ký: 10/01/2024 15:09:54 +07:00

SAO LỤC; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 13/01/2024 09:35:50

UỶ BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /UBDT-DTTS	*Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2024*
V/v thực hiện công văn số 2460/UBDT - DTTS ngày 29/12/2023 của Ủy ban Dân tộc	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Ủy ban Dân tộc ban hành văn bản số 2460/UBDT-DTTS hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số *(có Công văn số 2460/UBDT-DTTS ngày 29/12/2023 kèm theo).*

Để thống nhất thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện theo văn bản số 2460/UBDT-DTTS ngày 29 tháng 12 năm 2023 để thay thế các văn bản: 285/UBDT-DTTS ngày 29/3/2018, 392a/UBDT-DTTS ngày 20/4/2018 và 1881/UBDT-DTTS ngày 07/11/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện. Thông tin xin liên hệ Vụ Dân tộc thiểu số (Ủy ban Dân tộc), điện thoại 024.37349892./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Chủ nhiệm UBDT (để b/cáo);
- Các TT, PCN UBDT;
- Cơ quan CTDT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu VT, DTTS (03b) 10

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Nông Quốc Tuấn

SAO Y; Ủy ban Dân tộc; Thời gian ký: 29/12/2023 17:59:00 +07:00

UỶ BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 2960 /UBDT-DTTS V/v thực hiện Quyết định 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 (sau đây gọi là Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg).

Để tiếp tục triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) chỉ đạo Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Lập danh sách người có uy tín

Để thống nhất thực hiện quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) quyết định công nhận, đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trên địa bàn huyện theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, đề nghị các tỉnh tổ chức rà soát và phê duyệt lại danh sách người có uy tín của các huyện trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với nội dung, quy trình mới được điều chỉnh, cụ thể như sau:

a) Thực hiện bãi bỏ danh sách người có uy tín của tỉnh được công nhận giai đoạn 2023-2027, đồng thời giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện:

- Rà soát, tổng hợp danh sách người có uy tín của huyện đối với những người có tên trong danh sách người có uy tín được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận giai đoạn 2023-2027 (1).

- Thực hiện lựa chọn, công nhận người có uy tín theo quy định tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg và trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 988/QĐ-UBDT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công bố thủ

tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc đối với các thôn đủ điều kiện nhưng chưa có người có uy tín (2).

- Quyết định công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín của huyện được lựa chọn tại mục (1) và (2) theo Biểu mẫu số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, báo cáo Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh kết quả thực hiện. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp chung người có uy tín của toàn tỉnh theo Biểu 01 kèm theo Công văn này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc (Quyết định phê duyệt danh sách người có uy tín của các huyện và Biểu 01; file mềm gửi qua E-mail: vudantocthieuso@cema.gov.vn) ***trước ngày 25/02/2024*** để theo dõi, chỉ đạo.

b) Đối với thôn thành lập mới do sáp nhập các thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thôn của xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kể từ ngày 15/01/2024 trở đi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định số lượng và công nhận người có uy tín trong số người có uy tín được công nhận từ các thôn sáp nhập nhưng số lượng không quá tổng số thôn được sáp nhập.

c) Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín: Khi có trường hợp cần đưa ra khỏi danh sách người có uy tín theo quy định, cần thực hiện ngay và đồng thời thực hiện thay thế, bổ sung người có uy tín theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg và trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 988/QĐ-UBDT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

d) Hằng năm các huyện thực hiện rà soát, tổng hợp số lượng, danh sách người có uy tín báo cáo Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp chung người có uy tín của toàn tỉnh theo Biểu 01 kèm theo Công văn này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc (file mềm gửi qua Email: vudantocthieuso@cema.gov.vn) ***trước ngày 31/12 của năm*** để theo dõi, chỉ đạo.

2. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín

a) Các tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, phân công quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

b) Tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp thông tin cho người có uy tín

- Phổ biến, cung cấp thông tin: Các địa phương chủ động lựa chọn nội dung, hình thức phổ biến, cung cấp thông tin phù hợp đối với người có uy tín trên địa bàn, trong đó chú trọng thực hiện lồng ghép với hội nghị sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, các hội nghị chuyên đề hoặc các hoạt động khác có liên quan của địa phương.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức: Các địa phương lựa chọn các chuyên đề phù hợp, thiết thực[1] đối với người có uy tín để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức. Thời gian tổ chức, số lượng lớp, số người có uy tín tham dự, cấp tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tiễn, nguồn kinh phí được giao và quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

c) Thực hiện cấp báo cho người có uy tín

Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện:

- Lựa chọn một ấn phẩm báo của địa phương hoặc hình thức cung cấp thông tin khác (như: Chuyên đề, bản tin, thông tin nội bộ, v.v...) phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của người có uy tín và nguồn kinh phí được giao để cấp cho người có uy tín (01 tờ/người/kỳ) nhằm cung cấp thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, kiến thức cơ bản về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự và kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đặt hàng mua một ấn phẩm báo của Cơ quan ngôn luận thuộc cơ quan quản lý nhà nước hoạt động trong lĩnh vực dân tộc và công tác dân tộc do Ủy ban Dân tộc lựa chọn theo Thông báo số 2255/TB-UBDT ngày 05 tháng 12 năm 2023 (được đăng tải trên Công thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc) để cấp cho người có uy tín của tỉnh (01 tờ/người/kỳ/tháng).

d) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

Đối với Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan lựa chọn, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem

---

[1] Nội dung theo quy định tại điểm a, c Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

xét quyết định, phân công cụ thể các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện nhằm thăm hỏi, chúc mừng, động viên người có uy tín và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

đ) Người có uy tín ốm đau đi điều trị bệnh, có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước được thăm hỏi, hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

Các tỉnh quy định cụ thể[2] và phân công các cơ quan trực thuộc liên quan thực hiện thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín ốm đau đi điều trị bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước có trụ sở nằm trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín ốm đau đi điều trị bệnh tại các bệnh viện Trung ương trên địa bàn các thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố Buôn Mê Thuột (tỉnh Đắk Lắk).

e) Thăm hỏi, hỗ trợ hộ gia đình người có uy tín gặp khó khăn đột xuất do sự cố, thiên tai, hỏa hoạn[3]; Thăm viếng, động viên khi người có uy tín, thân nhân trong gia đình (bố, mẹ, vợ, chồng, con)[4] qua đời thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm c, d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

Các tỉnh quy định cụ thể và phân công các cơ quan trực thuộc liên quan thực hiện thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn đột xuất do sự cố, thiên tai, hỏa hoạn hoặc khi người có uy tín, thân nhân trong gia đình qua đời.

g) Biểu dương, khen thưởng, tôn vinh người có uy tín tiêu biểu thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

Đối với Hội nghị biểu dương, tôn vinh, khen thưởng người có uy tín tiêu biểu thống nhất 5 (năm) tổ chức một lần ở cấp Trung ương và cấp tỉnh. Đối với cấp huyện, trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn, quyết định thời gian, hình thức tổ chức cho phù hợp với quy mô, số lượng người có uy tín và tình hình thực tiễn của huyện.

---

[2] Trường hợp người có uy tín điều trị ở nhiều tuyến trên địa bàn tỉnh: tổng số tiền hỗ trợ, thăm hỏi người có uy tín không vượt quá 1.500.000 đồng/người/năm khi người có uy tín điều trị ở cơ sở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến (xã, huyện, tỉnh) trên địa bàn tỉnh.

[3] Tình huống sự cố, thiên tai, hỏa hoạn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

[4] Bố ((bố đẻ, bố chồng hoặc bố vợ, bố nuôi); mẹ (mẹ đẻ, mẹ chồng hoặc mẹ vợ, mẹ nuôi); chồng hoặc vợ; con (con đẻ, con nuôi) hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín tiêu biểu đi làm việc, giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg. Căn cứ tình hình thực tế và kinh phí được giao từ nguồn ngân sách địa phương, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức các Đoàn người có uy tín tiêu biểu đi làm việc, giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm ngoài tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi Ủy ban Dân tộc ***trước ngày 31 tháng 3 hằng năm*** để theo dõi, chỉ đạo.

Đối với các Đoàn khi đến thăm, làm việc với cơ quan Ủy ban Dân tộc (tại thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ và thành phố Buôn Mê Thuột tỉnh Đắk Lắk): Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là đầu mối, có văn bản gửi Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số và Văn phòng Ủy ban) trước 15 ngày làm việc so với ngày dự kiến Đoàn đến. Văn bản đề nghị ghi rõ: Trưởng Đoàn, thành phần, số lượng các thành viên trong Đoàn (danh sách trích ngang các thành viên trong Đoàn ghi cụ thể: năm sinh, dân tộc, giới tính, chức vụ, cơ quan công tác, địa chỉ cư trú) cùng các thông tin: điện thoại liên hệ, thời gian, nội dung chương trình đề nghị làm việc, đón tiếp để Ủy ban Dân tộc tổng hợp, xây dựng kế hoạch đón tiếp Đoàn theo quy định.

i) Khi Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Ủy ban Dân tộc đi thăm, làm việc tại các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo nhiệm vụ được giao, Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan và các địa phương chuẩn bị quà tặng chúc mừng, thăm hỏi, động viên người có uy tín hoặc hộ gia đình người có uy tín theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

k) Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 8 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 của Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, điều kiện cụ thể và nguồn ngân sách của địa phương, các tỉnh ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách và bố trí kinh phí địa phương để thực hiện hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín phát huy vai trò, thực hiện tốt hơn trách nhiệm được giao.

3. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn tài chính hiện hành.

- Năm 2024, ngân sách trung ương đã bố trí kinh phí hỗ trợ các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội (theo cơ chế quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025), trong đó có chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg. Do vậy, đề nghị các tỉnh phân bổ kinh phí cho các cơ quan để tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

- Hằng năm, các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách xây dựng dự toán kinh phí trong kế hoạch ngân sách hằng năm của tỉnh đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện các chính sách đối với người có uy tín quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg gửi Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc (theo Biểu 02 kèm Công văn này) ***trước ngày 15 tháng 6 hằng năm*** để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

- Căn cứ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg và kinh phí từ ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan lập dự toán ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và thực hiện phân bổ ngân sách cho Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

4. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, phân công quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là cơ quan Thường trực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả, kinh phí thực hiện (theo các Biểu 03, 04 và 05 kèm theo Công văn này) và dự kiến kế hoạch thực hiện năm sau gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính ***trước ngày 10 tháng 12*** (file mềm gửi qua E-mail: vudantocthieuso@cema.gov.vn) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số) theo số điện thoại 024.37349892)./.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Nông Quốc Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Công an, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Các TT, PCN UBDT;
- Cơ quan CTDT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc UBDT;
- Cổng TTĐT UBDT;
- Lưu VT, DTTS (03b). 15

(Kèm theo Công văn số /UBDT-DTTS ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 01

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM .....

(Kèm theo Báo cáo ...../-.... ngày tháng năm .... của ....)

Số TT	Số lượng, thành phần / Độ tuổi	Số lượng NCUT					Dân tộc	Trình độ học vấn/ chuyên môn	Thành phần người có uy tín*												Ghi chú
		Trong đó:		Tổng số năm ...	So với năm trước				Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn, bản và tương	Trưởng ban công tác Mặt	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ trí thức DTTS	Người sản xuất, doanh nhân tiêu	Đảng viên	Thành phần khác	
		Nam	Nữ		Tăng	Giảm															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Huyện A																				
	Dưới 30																				
	Từ 30 - dưới 40																				
	Từ 40 - dưới 50																				
	Từ 50 - dưới 60																				
	Từ 60 - dưới 70																				
	Trên 70																				
2	Huyện B																				
	Dưới 30																				
	Từ 30 - dưới 40																				
	Từ 40 - dưới 50																				
	Từ 50 - dưới 60																				
	Từ 60 - dưới 70																				
	Trên 70																				
	...																				
	Tổng cộng																				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ghi rõ họ tên và ký)

TM.UBND.....

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Cột (9): Ghi cụ thể trong tổng số NCUT có bao nhiêu thành phần dân tộc/tổng số thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh và số lượng từng dân tộc của NCUT (ví dụ: có 15/20 dân tộc, trong đó dân tộc Tày: 100 người; dân tộc Thái: 50 người,...).

- Cột (10): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ

(Kèm theo công văn số /UBDT-DTTS ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

Biểu 02

UBND TỈNH.....

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ NĂM .....
Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Thực hiện năm 2023			Nhu cầu kinh phí năm 2024			Ghi chú
		Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW	Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)
1	**Cung cấp thông tin cho NCUT**							
a	Phổ biến, cung cấp thông tin							
b	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức							
c	Cấp báo:							
	Báo do Ủy ban Dân tộc đặt hàng							
	Báo địa phương thực hiện							
2	**Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần**							
a	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán							
b	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau							
c	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn							
d	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời							
3	**Khen thưởng**							
a	Công tác khen thưởng							
b	Hội nghị biểu dương, tôn vinh							

Số TT	Nội dung chi	Thực hiện năm 2023			Nhu cầu kinh phí năm 2024			Ghi chú
		Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW	Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)
4	**Giao lưu, gặp mặt, tọa đàm, học hỏi kinh nghiệm**							
a	Tổ chức các Đoàn đi							
b	Đón tiếp các Đoàn							
5	**Chính sách do địa phương ban hành**							
6	**Quản lý, kiểm tra, sơ tổng kết**							
	Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. .....

(Ký tên, đóng dấu)

***Ghi chú*:**

- Cấp Báo địa phương: Ghi cụ thể giá thành 1 tờ báo (gồm: chi phí xuất bản+ chi phí phát hành) x số kỳ phát hành báo/năm x tổng số người có uy tín/số lượng phát hành.

- Mục 2.a: Kinh phí thăm hỏi NCUT dịp Tết nguyên dán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống DTTS = tổng số NCUT của ĐP x 500.000 đồng/người/lần x 2 lần/năm (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.b và .2c: Tạm tính =10% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 28/2023/QĐ-TTg).

- Mục 2.d: Tạm tính = 5% tổng số tiền của Mục 2.a (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

(Kèm theo Công văn số /UBDT-DTTS ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 03

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM.....

(Kèm theo Báo cáo ...../-... ngày tháng năm .... của ....)

Số TT	Cấp tổ chức	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Giao lưu, gặp mặt, học tập kinh nghiệm							Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác				Ghi chú
									Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác									
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc/ lớp	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức khác	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Cấp tỉnh																					
2	Cấp huyện																					
Tổng cộng																						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM.UBND....
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (17): Ghi rõ tên báo hoặc tạp chí do Trung ương hoặc địa phương cấp
- Cột (19): Ghi rõ hình thức cung cấp thông tin

(Kèm theo Công văn số /UBDT-DTTS ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

Biểu 04

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ VẬT CHẤT, ĐỘNG VIÊN TINH THẦN VÀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM .....

(Kèm theo Báo cáo ...../- ... ngày tháng năm... của...)

Số TT	Cấp tổ chức	Tổng số NCUT	Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán			Thăm hỏi, tặng quà dịp Lễ, Tết của DTTS			Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau			Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn			Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời			Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác				Khen thưởng NCUT			Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Hình thức hỗ trợ	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số NCUT	Hình thức khen	Cấp khen	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1	Cấp tỉnh																								
2	Cấp huyện																								
Cộng toàn tỉnh																									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. UBND.....
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (6), (9), (12), (15), (18), (22) và (25): Ghi cụ thể cấp tổ chức (Trung ương, tỉnh, huyện tổ chức).
- Các cột từ (19): Ghi rõ hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác (nếu có, VD mua thẻ BHYT cho NCUT không được hưởng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế,...)
- Cột (24): Ghi rõ hình thức khen thưởng (Bằng khen, giấy khen...)

(Kèm theo công văn số /UBDT-DTTS ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH.....

.....

Biểu 05

TỔNG HỢP KINH PHÍ

Thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm .....

(Kèm theo Báo cáo ...../- ... ngày tháng năm ... của...)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Năm	Kế hoạch giao			Kết quả thực hiện			Ghi chú
		NSĐP	NSTW	Tổng	NSĐP	NSTW	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8=6+7)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
	Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. BAN DÂN TỘC
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

CV 26

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN
UBND VÀ CƠ QUAN CÔNG TÁC DÂN TỘC CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ
(Mỗi tỉnh gửi 02: UBND tỉnh và Cơ quan CTDT tỉnh)

STT	Tỉnh/Thành phố	STT	Tỉnh/Thành phố
1	Hà Giang	28	Ninh Thuận
2	Tuyên Quang	29	Bình Thuận
3	Thái Nguyên	30	Gia Lai
4	Cao Bằng	31	Kon Tum
5	Bắc Kạn	32	Đắk Lắk
6	Lạng Sơn	33	Đắk Nông
7	Quảng Ninh	34	Lâm Đồng
8	Vĩnh Phúc	35	Bình Phước
9	Bắc Giang	36	Đồng Nai
10	Lào Cai	37	Tp. Hồ Chí Minh
11	Yên Bái	38	Bà Rịa-Vũng Tàu
12	Phú Thọ	39	Tp. Cần Thơ
13	Lai Châu	40	Hậu Giang
14	Điện Biên	41	Sóc Trăng
15	Sơn La	42	Bạc Liêu
16	Hòa Bình	43	Cà Mau
17	Tp. Hà Nội	44	Trà Vinh
18	Thanh Hóa	45	Kiên Giang
19	Nghệ An	46	An Giang
20	Quảng Bình	47	Vĩnh Long
21	Quảng Trị	48	Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương
22	Thừa Thiên Huế	49	Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình
23	Quảng Nam	50	Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh
24	Quảng Ngãi	51	Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng
25	Bình Định	52	Phòng Dân tộc, Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương
26	Phú Yên	53	Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh
27	Khánh Hòa	54	